

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH
LONG

TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 199/2024/DS-ST

Ngày: 20 – 12 – 2024

“tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cù Quý Nữ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Hoàng

2. Ông Trần Văn Mỹ Phúc

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn An Phước – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thủy Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2024/TLST- DS ngày 26 tháng 10 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S có ngay. Địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1995.

Địa chỉ liên lạc: Số E, đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

(văn bản ủy quyền ngày 01/12/2024)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Phạm Trung H, sinh năm 1996 (vắng)

HKTT: Số E, đường H, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: Số E, đường H, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2024 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/01/2024, ông [Huỳnh Phạm Trung H](#) cầm cố tài sản với [Công ty cổ phần S](#) tiền có ngay – [chi nhánh V1](#) (Công ty) tài sản là xe mô tô SH Việt Nam ABS biển số kiểm soát 64C1- 257.19, giấy chứng đăng ký số 000443 ngày 07/12/2023 do [Công an V2](#) cấp, thỏa thuận cầm cố tài sản với số tiền 42.550.000đ, thời hạn 18 tháng, lãi suất 1,1%/tháng, phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150%/tháng, phí trả nợ trước hạn bằng 7%/tháng trên dư nợ thực tế chưa đến hạn, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản 5%/tháng, thanh toán đúng hạn 2,5%/tháng. Do nhu cầu sử dụng xe nên anh [H](#) và [Công ty T](#) mượn lại xe đã cấp cố, thời hạn mượn là 01 tháng, để đảm bảo cho việc cầm cố tài sản, anh [H](#) đã thế chấp tài sản cầm cố và đã đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống trực tuyến của [cục Đ](#) số đăng ký giao: 1534382176. Thực hiện hợp [đồng](#) anh [H](#) chỉ thanh toán cho Công ty số tiền 3.805.000đ, trong đó gốc 996.700đ, lãi 468.050đ, phí 2.340.250đ. Do anh [H](#) vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty khởi kiện yêu cầu anh [H](#) [phải](#) thanh toán số tiền tính đến ngày 08/7/2024 là 59.224.728đ, trong đó gốc 41.553.300đ, lãi trong hạn 2.398.899đ, lãi quá hạn 1.199.450đ, [phí](#) bảo dưỡng hao mòn khi mượn xe 10.954.087, phí quản lý hồ sơ 1.090.409đ, phí trả nợ trước hạn trên dư nợ thực tế chưa đến hạn 2.078.584đ và tiếp tục tính lãi, phí cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp không thanh toán được thì Công ty được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đảm bảo thanh toán hết nợ thì anh [H](#) vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ, anh [H](#) chịu toàn bộ chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án đã thông báo thụ lý, thông báo về phiên hòa giải cho các đương theo đúng quy định pháp luật, triệu tập các đương sự đến tòa để giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu anh [H](#) có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ gốc 41.553.300đ, lãi trong hạn 4.917.181đ, xin rút phần lãi quá hạn phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe, phí trả nợ trước hạn cũng như phí quản lý hồ sơ. Đối với tài sản đảm bảo là mô tô SH Việt Nam ABS biển số kiểm soát 64C1- 257.19, nguyên đơn không có yêu cầu. Khi anh [H](#) trả xong nợ công ty sẽ trả lại giấy đăng ký xe bản gốc cho anh [H](#).

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án, áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244 BLTTDS 2015; Điều 303, 309, 310, 311, 313, 314, 463, 466, 468 BLDS; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh [H](#) có nghĩa vụ trả [Công ty cổ phần S](#) tiền có ngay số tiền gốc lãi 46.470.481đ, Đình chỉ yêu cầu tính phí quản lý hồ sơ, phí bảo dưỡng, phí trả nợ trước hạn, tiếp tục tính lãi theo hợp đồng

đến khi thanh toán hết nợ và xin phát mãi tài sản thế chấp. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi quá hạn 2.458.590đ. Án phí: anh [H](#) chịu 2.323.524đ, Công ty chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, bị đơn có nơi cư trú thuộc địa bàn [thành phố V](#) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26,35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS 2015).

[2] Tòa án triệu tập họp lệ các đương sự tham gia phiên tòa, nhưng anh [H](#) có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 227,228 BLTTDS 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về điều luật áp dụng: nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản được xác lập ngày 02/01/2024 do đó áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản có liên quan để giải quyết.

[4] Về nội dung: anh [Huỳnh Phạm Trung H](#) cầm cố tài sản với [Công ty cổ phần S](#) tiền có ngay – [chi nhánh V1](#) (Công ty) tài sản là xe mô tô SH Việt Nam ABS biển số kiểm soát 64C1- 257.19, giấy chứng đăng ký số 000443 ngày 07/12/2023 do [Công an V2](#) cấp, thỏa thuận cầm cố tài sản với số tiền 42.550.000đ, thời hạn 18 tháng, lãi suất 1,1%/tháng, phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150%/tháng, phí trả nợ trước hạn bằng 7%/tháng trên dư nợ thực tế chưa đến hạn, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản 5%/tháng, thanh toán đúng hạn 2,5%/tháng, do nhu cầu sử dụng xe nên anh [H](#) mượn lại xe để sử dụng, thời hạn mượn một tháng là sự việc thực tế có xảy ra được chứng minh bằng hợp đồng cầm cố ngày 02/01/2024, giấy mượn xe cùng ngày. Công ty xác định anh [H](#) đã thanh toán cho Công ty 3.805.000đ, trong đó gốc 996.700đ, lãi 468.050đ, phí 2.340.250đ. Quá trình giải quyết vụ án anh [H](#) vắng mặt, đồng thời anh [H](#) có đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa, anh [H](#) đồng ý trả gốc 41.553.300đ, không đồng ý trả lãi, phí, [xin](#) được trả dần 2.000.000đ/tháng, anh [H](#) xác định chỉ nợ tiền và đồng ý trả tiền vì không cầm cố xe.

[5] Xét thấy: việc thỏa thuận giữa Công ty và anh [H](#) về các khoản phí của hợp đồng cầm cố gồm: phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn tài sản cũng như các khoản phí thanh toán trước hạn, đúng hạn và thỏa thuận mượn tài sản là chưa phù hợp với quy định pháp luật theo các Điều 314,494,499 BLDS 2015, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút yêu đối với nội dung này nên đình chỉ yêu cầu này của đương sự.

[6] Về yêu cầu tính lãi trong hạn 1,1%/tháng, đây là thỏa thuận giữa các đương sự, mức lãi suất này không vượt quá theo quy định tại Điều 466,468 BLDS, khoản 6 Điều 9 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 nên được chấp nhận. Về lãi quá hạn do chưa kết thúc hợp đồng cầm cố nên không phát sinh lãi quá hạn nên không được chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đại diện nguyên đơn không yêu cầu nên đình chỉ.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: các đương sự chịu theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở như nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 309, 314, 466, 468, 494, 499 BLDS 2015; Điều 147, 227, 228 BLTTDS; Khoản 6, Điều 29 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn [Công ty cổ phần S](#) tiền có ngay.

Buộc anh [Huỳnh Phạm Trung H](#) có nghĩa vụ trả [Công ty cổ phần S](#) tiền có ngay số tiền gốc 41.553.300đ, lãi trong hạn 4.917.181đ, tổng 46.470.481đ (*bốn mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi ngàn bốn trăm tám mươi một đồng*).

Đình chỉ yêu cầu tính các loại phí quản lý hồ sơ, phí bảo dưỡng và hao mòn, phí trả nợ trước hạn của nguyên đơn.

Về xử lý tài sản đảm bảo không yêu cầu nên miễn xét. [Công ty cổ phần S](#) có nghĩa vụ trả giấy đăng ký xe biển số kiểm soát 64C1- 257.19 (bản gốc) khi anh [H](#) thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi quá hạn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh [H](#) phải chịu 2.323.000đ (*hai triệu ba trăm hai mươi ba ngàn đồng*).

[Công ty cổ phần S](#) tiền có ngay phải chịu án phí 300.000đ khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 1.480.000đ (*một triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng*) theo lai thu số 0007240 ngày 25/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Hoàn trả [Công ty cổ phần S](#) tiền có ngay 1.180.000đ (*một triệu một trăm tám mươi ngàn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh [H](#) vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định đề xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND TP Vĩnh Long: 01b;
- CC THADS TP Vĩnh Long: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

CÙ QUÝ NỮ